

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



API-TOF Reference Mix, Part Number G1969-85001

**Phiếu an toàn hóa chất, Tên phân loại, tên sản phẩm**

Số CAS : Không áp dụng.  
Số UN : UN1648  
Số đăng ký EC : Hỗn hợp.  
Số đăng ký  
Danh mục hóa chất Việt Nam : Hỗn hợp.

## I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Mã sản phẩm GHS (Hệ Thống ng Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất) : API-TOF Reference Mix, Part Number G1969-85001

Số bộ phận (bộ dụng cụ hóa học) : G1969-85001

Bộ phận số. : Ampoule 1 Không có sẵn.  
Ampoule 2 Không có sẵn.  
Ampoule 3 Không có sẵn.

Số UN : UN1648

Hoạt động sử dụng đã được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và hoạt động sử dụng được khuyến nên tránh

Cách sử dụng nguyên liệu. : Thuốc thử và Tiêu chuẩn Sử dụng trong Phòng thí nghiệm Hóa học Phân tích  
Ampoule 1 2.2 ml  
Ampoule 2 2.2 ml  
Ampoule 3 2.2 ml

Nhà cung cấp/Nhà sản xuất : Agilent Technologies, Inc.

5301 Stevens Creek Blvd

Santa Clara, CA 95051, USA

800-227-9770

Số điện thoại khẩn cấp (với giờ hoạt động) : CHEMTREC®:+(84)-444581771

## II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Chất/pha chế : Ampoule 1 Hỗn hợp  
Ampoule 2 Hỗn hợp  
Ampoule 3 Hỗn hợp

Số đăng ký CAS (Dịch Vụ Thông Tin Cơ Bản Hóa Chất Của Hoa Kỳ)/ các mã số khác

## II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

| Tên thành phần nguy hiểm         | Số CAS  | Công thức hóa học               | %   |
|----------------------------------|---------|---------------------------------|-----|
| <b>Ampoule 1</b><br>Acetonitrile | 75-05-8 | C <sub>2</sub> H <sub>3</sub> N | ≥90 |
| <b>Ampoule 2</b><br>Acetonitrile | 75-05-8 | C <sub>2</sub> H <sub>3</sub> N | ≥90 |
| <b>Ampoule 3</b><br>Acetonitrile | 75-05-8 | C <sub>2</sub> H <sub>3</sub> N | ≥90 |

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

## III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

### Mức xếp loại nguy hiểm

#### Ampoule 1

|      |  |
|------|--|
| H225 | CHẤT LỎNG DỄ CHÁY - Loại 2   |
| H302 | ĐỘC TÍNH CẤP (đường miệng) - Loại 4  |
| H312 | ĐỘC TÍNH CẤP (ngoài da) - Loại 4   |
| H332 | ĐỘC TÍNH CẤP (hít phải) - Loại 4   |
| H316 | GÂY KHÓ CHỊU CHO DA - Loại 3   |
| H319 | KÍCH ỨNG MẮT - Loại 2A   |
| H373 | ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC LẶP LẠI (hệ thống tuần hoàn, hệ thống thần kinh trung ương (CNS), thận, gan) - Loại 2 |

#### Ampoule 2

|      |  |
|------|--|
| H225 | CHẤT LỎNG DỄ CHÁY - Loại 2   |
| H302 | ĐỘC TÍNH CẤP (đường miệng) - Loại 4  |
| H312 | ĐỘC TÍNH CẤP (ngoài da) - Loại 4   |
| H332 | ĐỘC TÍNH CẤP (hít phải) - Loại 4   |
| H316 | GÂY KHÓ CHỊU CHO DA - Loại 3   |
| H319 | KÍCH ỨNG MẮT - Loại 2A   |
| H373 | ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC LẶP LẠI (hệ thống tuần hoàn, hệ thống thần kinh trung ương (CNS), thận, gan) - Loại 2 |

#### Ampoule 3

|      |  |
|------|--|
| H225 | CHẤT LỎNG DỄ CHÁY - Loại 2   |
| H302 | ĐỘC TÍNH CẤP (đường miệng) - Loại 4  |
| H312 | ĐỘC TÍNH CẤP (ngoài da) - Loại 4   |
| H332 | ĐỘC TÍNH CẤP (hít phải) - Loại 4   |
| H316 | GÂY KHÓ CHỊU CHO DA - Loại 3   |
| H319 | KÍCH ỨNG MẮT - Loại 2A   |
| H373 | ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC LẶP LẠI (hệ thống tuần hoàn, hệ thống thần kinh trung ương (CNS), thận, gan) - Loại 2 |

### Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

### III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Hình đồ cảnh báo : Ampoule 1



Ampoule 2



Ampoule 3



Từ cảnh báo : Ampoule 1

Ampoule 2

Ampoule 3

Nguy hiểm

Nguy hiểm

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ : Ampoule 1

H225 - Hơi và chất lỏng rất dễ cháy.

H302 + H312 + H332 - Nguy hại nếu nuốt phải, tiếp xúc với da hoặc hít phải.

H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

H316 - Gây kích ứng da nhẹ.

H373 - Có thể làm tổn thương các cơ quan qua phơi nhiễm lâu và nhiều lần. (hệ thống tuần hoàn, hệ thống thần kinh trung ương (CNS), thận, gan)

Ampoule 2

H225 - Hơi và chất lỏng rất dễ cháy.

H302 + H312 + H332 - Nguy hại nếu nuốt phải, tiếp xúc với da hoặc hít phải.

H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

H316 - Gây kích ứng da nhẹ.

H373 - Có thể làm tổn thương các cơ quan qua phơi nhiễm lâu và nhiều lần. (hệ thống tuần hoàn, hệ thống thần kinh trung ương (CNS), thận, gan)

Ampoule 3

H225 - Hơi và chất lỏng rất dễ cháy.

H302 + H312 + H332 - Nguy hại nếu nuốt phải, tiếp xúc với da hoặc hít phải.

H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

H316 - Gây kích ứng da nhẹ.

H373 - Có thể làm tổn thương các cơ quan qua phơi nhiễm lâu và nhiều lần. (hệ thống tuần hoàn, hệ thống thần kinh trung ương (CNS), thận, gan)

#### Các công bố về phòng ngừa

Ngăn chặn : Ampoule 1

P280 - Mang găng tay bảo hộ. Mang đồ bảo hộ mắt hoặc mặt. Mang quần áo bảo hộ.

P210 - Giữ tránh xa nguồn nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và bề mặt nóng. Không được hút thuốc.

P241 - Sử dụng thiết bị điện, thông gió/chiếu sáng và tắt cả các thiết bị làm việc với vật liệu có thiết kế chống nổ.

P242 - Chỉ sử dụng dụng cụ không phát tia lửa.

P243 - Có các biện pháp phòng ngừa tránh phát tĩnh điện.

P233 - Giữ cho thùng chứa được đậy kín.

P271 - Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở một khu vực được thông khí tốt.

P260 - Không hít thở hơi.

P270 - Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

P264 - Rửa tay kỹ lưỡng sau khi xử lý.

Ampoule 2

P280 - Mang găng tay bảo hộ. Mang đồ bảo hộ mắt hoặc mặt. Mang quần áo bảo hộ.

### III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Ampoule 3

P210 - Giữ tránh xa nguồn nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và bề mặt nóng. Không được hút thuốc.

P241 - Sử dụng thiết bị điện, thông gió/chiếu sáng và tắt cả các thiết bị làm việc với vật liệu có thiết kế chống nổ.

P242 - Chỉ sử dụng dụng cụ không phát tia lửa.

P243 - Có các biện pháp phòng ngừa tránh phát tĩnh điện.

P233 - Giữ cho thùng chứa được đậy kín.

P271 - Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở một khu vực được thông khí tốt.

P260 - Không hít thở hơi.

P270 - Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

P264 - Rửa tay kỹ lưỡng sau khi xử lý.

P280 - Mang găng tay bảo hộ. Mang đồ bảo hộ mắt hoặc mặt. Mang quần áo bảo hộ.

P210 - Giữ tránh xa nguồn nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và bề mặt nóng. Không được hút thuốc.

P241 - Sử dụng thiết bị điện, thông gió/chiếu sáng và tắt cả các thiết bị làm việc với vật liệu có thiết kế chống nổ.

P242 - Chỉ sử dụng dụng cụ không phát tia lửa.

P243 - Có các biện pháp phòng ngừa tránh phát tĩnh điện.

P233 - Giữ cho thùng chứa được đậy kín.

P271 - Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở một khu vực được thông khí tốt.

P260 - Không hít thở hơi.

P270 - Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

P264 - Rửa tay kỹ lưỡng sau khi xử lý.

P314 - Hãy tìm chăm sóc y tế nếu quý vị cảm thấy không khỏe.

P304 + P340 + P312 - **NẾU HÍT PHẢI:** Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc thầy thuốc nếu quý vị cảm thấy không khỏe.

P301 + P312 + P330 - **NẾU NUỐT PHẢI:** Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc thầy thuốc nếu quý vị cảm thấy không khỏe. Súc miệng.

P303 + P361 + P353 - **NẾU BỊ ĐÍNH VÀO DA (hoặc tóc):** Tháo bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Súc rửa bằng nước hoặc vòi phun.

P302 + P352 + P312 - **NẾU BỊ ĐÍNH VÀO DA:** Rửa bằng nhiều nước và xà phòng. Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc thầy thuốc nếu quý vị cảm thấy không khỏe.

P332 + P313 - **Nếu xảy ra kích ứng da:** Hãy tìm chăm sóc y tế.

P305 + P351 + P338 - **NẾU BỊ ĐÍNH VÀO MẮT:** Súc rửa bằng nước cẩn thận trong vài phút. Gỡ bỏ kính áp tròng nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P337 + P313 - **Nếu kích ứng mắt vẫn còn dai dẳng:** Hãy tìm chăm sóc y tế.

P314 - Hãy tìm chăm sóc y tế nếu quý vị cảm thấy không khỏe.

P304 + P340 + P312 - **NẾU HÍT PHẢI:** Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc thầy thuốc nếu quý vị cảm thấy không khỏe.

P301 + P312 + P330 - **NẾU NUỐT PHẢI:** Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc thầy thuốc nếu quý vị cảm thấy không khỏe. Súc miệng.

P303 + P361 + P353 - **NẾU BỊ ĐÍNH VÀO DA (hoặc tóc):**

Phản ứng

: Ampoule 1

Ampoule 2

### III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

|  |             |   |
|--|-------------|---|
|  |             | <p>Tháo bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Súc rửa bằng nước hoặc vòi phun.</p> <p>P302 + P352 + P312 - NẾU BỊ ĐÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng. Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc thầy thuốc nếu quý vị cảm thấy không khỏe.</p> <p>P332 + P313 - Nếu xảy ra kích ứng da: Hãy tìm chăm sóc y tế.</p> <p>P305 + P351 + P338 - NẾU BỊ ĐÍNH VÀO MẮT: Súc rửa bằng nước cẩn thận trong vài phút. Gỡ bỏ kính áp tròng nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.</p> <p>P337 + P313 - Nếu kích ứng mắt vẫn còn dai dẳng: Hãy tìm chăm sóc y tế.</p> <p>P314 - Hãy tìm chăm sóc y tế nếu quý vị cảm thấy không khỏe.</p> <p>P304 + P340 + P312 - NẾU HÍT PHẢI: Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc thầy thuốc nếu quý vị cảm thấy không khỏe.</p> <p>P301 + P312 + P330 - NẾU NUỐT PHẢI: Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc thầy thuốc nếu quý vị cảm thấy không khỏe. Súc miệng.</p> <p>P303 + P361 + P353 - NẾU BỊ ĐÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Tháo bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Súc rửa bằng nước hoặc vòi phun.</p> <p>P302 + P352 + P312 - NẾU BỊ ĐÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng. Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc thầy thuốc nếu quý vị cảm thấy không khỏe.</p> <p>P332 + P313 - Nếu xảy ra kích ứng da: Hãy tìm chăm sóc y tế.</p> <p>P305 + P351 + P338 - NẾU BỊ ĐÍNH VÀO MẮT: Súc rửa bằng nước cẩn thận trong vài phút. Gỡ bỏ kính áp tròng nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.</p> <p>P337 + P313 - Nếu kích ứng mắt vẫn còn dai dẳng: Hãy tìm chăm sóc y tế.</p> |
|  | Ampoule 3   |   |
| <b>Lưu trữ</b>   | : Ampoule 1 | P403 - Cát giữ ở một nơi thông gió tốt.   |
|  | Ampoule 2   | P235 - Giữ lạnh.  |
|  | Ampoule 3   | P403 - Cát giữ ở một nơi thông gió tốt.   |
|  |             | P235 - Giữ lạnh.  |
| <b>Xử lý</b>   | : Ampoule 1 | P403 - Cát giữ ở một nơi thông gió tốt.   |
|  | Ampoule 2   | P235 - Giữ lạnh.  |
|  | Ampoule 3   | P403 - Cát giữ ở một nơi thông gió tốt.   |
|  |             | P235 - Giữ lạnh.  |
|  |             | P501 - Vứt bỏ nội dung/thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.  |
|  |             | P501 - Vứt bỏ nội dung/thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.  |
|  |             | P501 - Vứt bỏ nội dung/thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.  |
| <b>Lộ trình vào</b>                                    | : Ampoule 1 | Tiếp xúc với da. Tiếp xúc với mắt. Hít phải. Tiêu hóa.  |
|  | Ampoule 2   | Tiếp xúc với da. Tiếp xúc với mắt. Hít phải. Tiêu hóa.  |
|  | Ampoule 3   | Tiếp xúc với da. Tiếp xúc với mắt. Hít phải. Tiêu hóa.  |
| <b>Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại</b> | : Ampoule 1 | Không biết chất nào.  |
|  | Ampoule 2   | Không biết chất nào.  |
|  | Ampoule 3   | Không biết chất nào.  |

## IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

### Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

|                     |             |  |
|---------------------|-------------|--|
| <b>Tiếp xúc mắt</b> | : Ampoule 1 | Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.   |
|                     | Ampoule 2   | Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.   |
|                     | Ampoule 3   | Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.   |
| <b>Hít phải</b>     | : Ampoule 1 | Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Tìm bác sĩ chăm sóc sau khi tiếp xúc hoặc nếu cảm thấy không được khỏe. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng. Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ. |
|                     | Ampoule 2   | Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Tìm bác sĩ chăm sóc sau khi tiếp xúc hoặc nếu cảm thấy không được khỏe. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng. Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ. |
|                     | Ampoule 3   | Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Tìm bác sĩ chăm sóc sau khi tiếp xúc hoặc nếu cảm thấy không được khỏe. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng. Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ. |



## IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

|                          |             |  |
|--------------------------|-------------|--|
| <b>Tiếp xúc ngoài da</b> | : Ampoule 1 | Rửa bằng nhiều nước và xà phòng. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Tìm bác sĩ chăm sóc sau khi tiếp xúc hoặc nếu cảm thấy không được khỏe. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.   |
|                          | Ampoule 2   | Rửa bằng nhiều nước và xà phòng. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Tìm bác sĩ chăm sóc sau khi tiếp xúc hoặc nếu cảm thấy không được khỏe. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.   |
|                          | Ampoule 3   | Rửa bằng nhiều nước và xà phòng. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Tìm bác sĩ chăm sóc sau khi tiếp xúc hoặc nếu cảm thấy không được khỏe. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.   |
| <b>Nuốt phải</b>         | : Ampoule 1 | Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa, hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng. |
|                          | Ampoule 2   | Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa, hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng. |
|                          | Ampoule 3   | Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa, hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần,   |

## IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được nuốt bất kỳ thứ gì vào miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng.

### Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

#### Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

|                          |                                       |  |
|--------------------------|---------------------------------------|--|
| <b>Tiếp xúc mắt</b>      | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3 | Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.<br>Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.<br>Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.   |
| <b>Hít phải</b>          | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3 | Có hại nếu hít phải.<br>Có hại nếu hít phải.<br>Có hại nếu hít phải.   |
| <b>Tiếp xúc ngoài da</b> | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3 | Có hại khi tiếp xúc với da. Gây kích ứng da nhẹ.<br>Có hại khi tiếp xúc với da. Gây kích ứng da nhẹ.<br>Có hại khi tiếp xúc với da. Gây kích ứng da nhẹ. |
| <b>Nuốt phải</b>         | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3 | Có hại nếu nuốt phải.<br>Có hại nếu nuốt phải.<br>Có hại nếu nuốt phải.  |

#### Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

|                          |   |   |
|--------------------------|---|---|
| <b>Tiếp xúc mắt</b>      | : Ampoule 1<br><br>Ampoule 2<br><br>Ampoule 3 | Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:<br>đau nhức hoặc kích ứng khó chịu<br>chảy nước mắt<br>bị đỏ<br>Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:<br>đau nhức hoặc kích ứng khó chịu<br>chảy nước mắt<br>bị đỏ<br>Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:<br>đau nhức hoặc kích ứng khó chịu<br>chảy nước mắt<br>bị đỏ |
| <b>Hít phải</b>          | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3         | Không có thông tin cụ thể gì.<br>Không có thông tin cụ thể gì.<br>Không có thông tin cụ thể gì.   |
| <b>Tiếp xúc ngoài da</b> | : Ampoule 1<br><br>Ampoule 2<br><br>Ampoule 3 | Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:<br>kích ứng khó chịu<br>bị đỏ<br>Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:<br>kích ứng khó chịu<br>bị đỏ<br>Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:<br>kích ứng khó chịu<br>bị đỏ  |
| <b>Nuốt phải</b>         | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3         | Không có thông tin cụ thể gì.<br>Không có thông tin cụ thể gì.<br>Không có thông tin cụ thể gì.   |

**Thẻ hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần**



## IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

|                                      |   |   |
|--------------------------------------|---|---|
| <b>Lưu ý đối với bác sĩ điều trị</b> | : Ampoule 1<br><br>Ampoule 2<br><br>Ampoule 3                                 | Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ.<br>Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ.<br>Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ.  |
| <b>Điều trị cụ thể</b>               | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3   | Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.<br>Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.<br>Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.  |
| <b>Bảo vệ nhân viên sơ cứu</b>       | : Ampoule 1<br><br><br><br><br><br>Ampoule 2<br><br><br><br><br><br>Ampoule 3 | Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay.<br>Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay.<br>Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay. |

Xem thông tin độc tính (phần 11)

## V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

### Phương tiện dập tắt

|   |   |  |
|---|---|--|
| <b>Các chất chữa cháy phù hợp</b>                   | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3         | Dùng hóa chất khô, CO <sub>2</sub> , bụi nước hay bọt.<br>Dùng hóa chất khô, CO <sub>2</sub> , bụi nước hay bọt.<br>Dùng hóa chất khô, CO <sub>2</sub> , bụi nước hay bọt.   |
| <b>Các chất chữa cháy không phù hợp</b>             | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3         | Đừng dùng tia nước.<br>Đừng dùng tia nước.<br>Đừng dùng tia nước.  |
| <b>Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất</b> | : Ampoule 1<br><br>Ampoule 2<br><br>Ampoule 3 | Hơi và chất lỏng rất dễ cháy. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ.<br>Hơi và chất lỏng rất dễ cháy. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ.<br>Hơi và chất lỏng rất dễ cháy. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. |

## V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

|   |             |  |
|---|-------------|--|
| <b>Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm</b>                    | : Ampoule 1 | Các sản phẩm làm thổi rửa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:<br>carbon dioxit<br>carbon monoxit<br>ôxit nitơ<br>xyanua   |
|   | Ampoule 2   | Các sản phẩm làm thổi rửa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:<br>carbon dioxit<br>carbon monoxit<br>ôxit nitơ<br>xyanua   |
|   | Ampoule 3   | Các sản phẩm làm thổi rửa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:<br>carbon dioxit<br>carbon monoxit<br>ôxit nitơ<br>xyanua   |
| <b>Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy</b>      | : Ampoule 1 | Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy . Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bình chữa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chữa phơi ra lửa. |
|   | Ampoule 2   | Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy . Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bình chữa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chữa phơi ra lửa. |
|   | Ampoule 3   | Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy . Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bình chữa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chữa phơi ra lửa. |
| <b>Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy</b> | : Ampoule 1 | Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.   |
|   | Ampoule 2   | Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.   |
|   | Ampoule 3   | Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.   |

## VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

### Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

|   |             |   |
|---|-------------|---|
| <b>Cho người không phải nhân viên cấp cứu</b> | : Ampoule 1 | Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tắt tất cả các nguồn phát lửa. Không dùng pháo sáng, khói hay ngọn lửa trong khu vực nguy hiểm. Tránh hít hơi hay sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đo bình thờ thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng |
|---|-------------|---|

## VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

|  |   |
|--|---|
| Ampoule 2  | <p>khí. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tắt tất cả các nguồn phát lửa. Không dùng pháo sáng, khói hay ngọn lửa trong khu vực nguy hiểm. Tránh hít hơi hay sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.</p> |
| Ampoule 3  | <p>Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tắt tất cả các nguồn phát lửa. Không dùng pháo sáng, khói hay ngọn lửa trong khu vực nguy hiểm. Tránh hít hơi hay sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.</p>   |
| <b>Cho các nhân viên cấp cứu</b> : Ampoule 1                                 | <p>Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.</p>  |
| Ampoule 2  | <p>Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.</p>  |
| Ampoule 3  | <p>Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.</p>  |
| <b>Đề phòng cho môi trường</b> : Ampoule 1                                   | <p>Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).</p>  |
| Ampoule 2  | <p>Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).</p>  |
| Ampoule 3  | <p>Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).</p>  |
| <b>Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch</b> : Ampoule 1 | <p>Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô tro và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.</p>   |
| Ampoule 2  | <p>Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô tro</p>  |

## VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Ampoule 3

và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.  
Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô tro và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

## VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

### Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn

**Biện pháp bảo vệ** : Ampoule 1

Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Không hít thở hơi hoặc sương. Đừng nuốt. Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Dùng thiết bị bằng điện (quạt, đèn, dụng cụ xử lý vật liệu) không gây nổ. Chỉ sử dụng dụng cụ không phát tia lửa. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cẩn và có thể nguy hiểm. Đừng sử dụng lại bình chứa.

Ampoule 2

Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Không hít thở hơi hoặc sương. Đừng nuốt. Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Dùng thiết bị bằng điện (quạt, đèn, dụng cụ xử lý vật liệu) không gây nổ. Chỉ sử dụng dụng cụ không phát tia lửa. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cẩn và có thể nguy hiểm. Đừng sử dụng lại bình chứa.

Ampoule 3

Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Không hít thở hơi hoặc sương. Đừng nuốt. Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Dùng thiết bị bằng điện (quạt, đèn, dụng cụ xử lý vật liệu) không gây nổ. Chỉ sử dụng dụng cụ không phát tia lửa. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cẩn và có thể nguy hiểm. Đừng sử dụng lại bình chứa.

## VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

### Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát

: Ampoule 1

Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

Ampoule 2

Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

Ampoule 3

Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

### Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ

: Ampoule 1

Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường. Xem Mục 10 để biết các chất kỵ tiếp xúc trước khi xử lý hoặc sử dụng.

Ampoule 2

Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường. Xem Mục 10 để biết các chất kỵ tiếp xúc trước khi xử lý hoặc sử dụng.

Ampoule 3

Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường. Xem Mục 10 để biết các chất kỵ tiếp xúc trước khi xử lý hoặc sử dụng.



## VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

### Các thông số kiểm soát

#### Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

| <u>Tên thành phần nguy hiểm</u>  | <u>Giới hạn phơi nhiễm</u>  |
|----------------------------------|---|
| <b>Ampoule 1</b><br>Acetonitrile | <b>Bộ Y tế (Việt Nam, 10/2002).</b><br>TWA: 50 mg/m <sup>3</sup> 8 giờ.<br>STEL: 100 mg/m <sup>3</sup> 15 phút. |
| <b>Ampoule 2</b><br>Acetonitrile | <b>Bộ Y tế (Việt Nam, 10/2002).</b><br>TWA: 50 mg/m <sup>3</sup> 8 giờ.<br>STEL: 100 mg/m <sup>3</sup> 15 phút. |
| <b>Ampoule 3</b><br>Acetonitrile | <b>Bộ Y tế (Việt Nam, 10/2002).</b><br>TWA: 50 mg/m <sup>3</sup> 8 giờ.<br>STEL: 100 mg/m <sup>3</sup> 15 phút. |

**Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp** : Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Dùng các phương tiện che chắn của quy trình, hệ thống thông gió tại chỗ hay các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ mức phơi nhiễm của công nhân đối với khí độc hại thấp hơn bất kỳ giới hạn nào được khuyến cáo hoặc do luật định. Các phương tiện kiểm soát cũng cần giữ cho độ tập trung của khí, hơi hoặc bụi dưới bất kỳ giới hạn gây nổ nào. Sử dụng thiết bị thông hơi chống nổ.

**Kiểm soát phơi nhiễm môi trường** : Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

### Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

**Biện pháp vệ sinh** : Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.

**Bảo vệ mắt** : Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng bắn vào, sương, gas hơi khí hoặc bụi. Nếu có khả năng bị tiếp xúc, phải sử dụng phương tiện bảo hộ sau đây, trừ khi đánh giá cho thấy phải sử dụng phương tiện bảo hộ cao cấp hơn: kính chống văng hóa chất.

### Bảo vệ da

**Bảo vệ tay** : Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết. Xem xét các thông số do nhà sản xuất cung cấp, kiểm tra trong khi sử dụng để biết rằng găng vẫn còn giữ được các tính chất bảo vệ của nó. Cần lưu ý rằng thời gian thấm qua của bất kỳ vật liệu găng tay nào của bất kỳ nhà sản xuất găng tay nào cũng khác nhau. Trong trường hợp hỗn hợp có chứa nhiều chất, thì thời gian bảo vệ của găng tay không thể tính chính xác được.

**Bảo vệ thân thể** : Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này. Khi có nguy cơ cháy do tĩnh điện, phải sử dụng trang phục bảo hộ chống tĩnh điện. Để đạt được hiệu quả bảo vệ chống tĩnh điện tốt nhất, trang phục cần bao gồm bộ áo liền quần, ủng và găng tay chống tĩnh điện.



## VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- Biện pháp bảo vệ da khác** : Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.
- Bảo vệ hô hấp** : Dựa trên nguy cơ và khả năng phơi nhiễm, chọn một mặt nạ dưỡng khí đáp ứng tiêu chuẩn hoặc chứng nhận phù hợp. Phải sử dụng mặt nạ dưỡng khí theo chương trình bảo vệ hô hấp để đảm bảo lắp đặt, đào tạo phù hợp và các khía cạnh sử dụng quan trọng khác.

## IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

### Bề ngoài

|  |                                       |  |
|--|---------------------------------------|--|
| <b>Trạng thái vật lý</b>                   | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3 | Chất lỏng.<br>Chất lỏng.<br>Chất lỏng.   |
| <b>Màu sắc</b>                             | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3 | Không có sẵn.<br>Không có sẵn.<br>Không có sẵn.  |
| <b>Mùi</b>                                 | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3 | Không có sẵn.<br>Không có sẵn.<br>Không có sẵn.  |
| <b>Ngưỡng về mùi</b>                       | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3 | Không có sẵn.<br>Không có sẵn.<br>Không có sẵn.  |
| <b>pH</b>                                  | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3 | Không có sẵn.<br>Không có sẵn.<br>Không có sẵn.  |
| <b>Điểm nóng chảy</b>                      | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3 | -41.9°C (-43.4°F)<br>-41.9°C (-43.4°F)<br>-41.9°C (-43.4°F)                                  |
| <b>Điểm sôi</b>                            | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3 | 81.7°C (179.1°F)<br>81.7°C (179.1°F)<br>81.7°C (179.1°F)                                     |
| <b>Điểm bùng cháy</b>                      | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3 | Cốc đậy kín: 5.85°C (42.5°F)<br>Cốc đậy kín: 5.85°C (42.5°F)<br>Cốc đậy kín: 5.85°C (42.5°F) |
| <b>Tỷ lệ hóa hơi</b>                       | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3 | Không có sẵn.<br>Không có sẵn.<br>Không có sẵn.  |
| <b>Khả năng cháy (chất rắn, khí)</b>       | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3 | Không áp dụng.<br>Không áp dụng.<br>Không áp dụng.   |
| <b>Giới hạn nổ (bốc cháy) dưới và trên</b> | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3 | Không có sẵn.<br>Không có sẵn.<br>Không có sẵn.  |
| <b>Áp suất hóa hơi</b>                     | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3 | Không có sẵn.<br>Không có sẵn.<br>Không có sẵn.  |
| <b>Tỷ trọng hơi</b>                        | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3 | Không có sẵn.<br>Không có sẵn.<br>Không có sẵn.  |
| <b>Mật độ tương đối</b>                    | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3 | Không có sẵn.<br>Không có sẵn.<br>Không có sẵn.  |

## IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

|  |             |  |
|--|-------------|--|
| <b>Tính hòa tan</b>                      | : Ampoule 1 | Đễ tan trong các vật liệu sau đây: nước lạnh, nước nóng và axeton.   |
|  | Ampoule 2   | Hòa tan trong các vật liệu sau đây: metanola.<br>Đễ tan trong các vật liệu sau đây: nước lạnh, nước nóng và axeton.  |
|  | Ampoule 3   | Hòa tan trong các vật liệu sau đây: metanola.<br>Đễ tan trong các vật liệu sau đây: nước lạnh, nước nóng và axeton.<br>Hòa tan trong các vật liệu sau đây: metanola. |
| <b>Hệ số phân chia nước/<br/>Octanol</b> | : Ampoule 1 | Không có sẵn.  |
|  | Ampoule 2   | Không có sẵn.  |
|  | Ampoule 3   | Không có sẵn.  |
| <b>Nhiệt độ tự cháy</b>                  | : Ampoule 1 | Không có sẵn.  |
|  | Ampoule 2   | Không có sẵn.  |
|  | Ampoule 3   | 524°C (975.2°F)  |
| <b>Nhiệt độ phân hủy</b>                 | : Ampoule 1 | Không có sẵn.  |
|  | Ampoule 2   | Không có sẵn.  |
|  | Ampoule 3   | Không có sẵn.  |
| <b>Tính dẻo</b>                          | : Ampoule 1 | Không có sẵn.  |
|  | Ampoule 2   | Không có sẵn.  |
|  | Ampoule 3   | Không có sẵn.  |

## X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

|   |             |   |
|---|-------------|---|
| <b>Khả năng phản ứng</b>                      | : Ampoule 1 | Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.  |
|   | Ampoule 2   | Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.  |
|   | Ampoule 3   | Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.  |
| <b>Tính ổn định</b>                           | : Ampoule 1 | Sản phẩm ổn định.   |
|   | Ampoule 2   | Sản phẩm ổn định.   |
|   | Ampoule 3   | Sản phẩm ổn định.   |
| <b>Khả năng gây các phản ứng<br/>nguy hại</b> | : Ampoule 1 | Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.   |
|   | Ampoule 2   | Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.   |
|   | Ampoule 3   | Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.   |
| <b>Tình trạng cần tránh</b>                   | : Ampoule 1 | Tránh để gần những nơi có thể kích hỏa (tia lửa hoặc ngọn lửa). Đùng ép, cắt, nối, đánh đồng, hàn, soi, nghiền hoặc phơi các đồ đựng ra chỗ nóng hoặc nguồn kích hỏa. |
|   | Ampoule 2   | Tránh để gần những nơi có thể kích hỏa (tia lửa hoặc ngọn lửa). Đùng ép, cắt, nối, đánh đồng, hàn, soi, nghiền hoặc phơi các đồ đựng ra chỗ nóng hoặc nguồn kích hỏa. |
|   | Ampoule 3   | Tránh để gần những nơi có thể kích hỏa (tia lửa hoặc ngọn lửa). Đùng ép, cắt, nối, đánh đồng, hàn, soi, nghiền hoặc phơi các đồ đựng ra chỗ nóng hoặc nguồn kích hỏa. |

## X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

|                                       |             |  |
|---------------------------------------|-------------|--|
| <b>Các vật liệu không tương thích</b> | : Ampoule 1 | Phản ứng hay không tương thích với các chất sau:<br>chất oxy hóa   |
|                                       | Ampoule 2   | Phản ứng hay không tương thích với các chất sau:<br>chất oxy hóa   |
|                                       | Ampoule 3   | Phản ứng hay không tương thích với các chất sau:<br>chất oxy hóa   |
| <b>Sản phẩm phân rã có mối nguy</b>   | : Ampoule 1 | Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm nguy hiểm gây thổi rửa. |
|                                       | Ampoule 2   | Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm nguy hiểm gây thổi rửa. |
|                                       | Ampoule 3   | Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm nguy hiểm gây thổi rửa. |

## XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

### Thông tin về các tác dụng độc

#### Độc tính cấp tính

| Tên sản phẩm/thành phần          | Kết quả                               | Loài           | Liều lượng              | Sự phơi nhiễm |
|----------------------------------|---------------------------------------|----------------|-------------------------|---------------|
| <b>Ampoule 1</b><br>Acetonitrile | LC50 Hít phải Hơi<br>LD50 Đường miệng | Chuột<br>Chuột | 17100 ppm<br>2460 mg/kg | 4 giờ<br>-    |
| <b>Ampoule 2</b><br>Acetonitrile | LC50 Hít phải Hơi<br>LD50 Đường miệng | Chuột<br>Chuột | 17100 ppm<br>2460 mg/kg | 4 giờ<br>-    |
| <b>Ampoule 3</b><br>Acetonitrile | LC50 Hít phải Hơi<br>LD50 Đường miệng | Chuột<br>Chuột | 17100 ppm<br>2460 mg/kg | 4 giờ<br>-    |

#### Kích ứng/Ăn mòn

| Tên sản phẩm/thành phần          | Kết quả                          | Loài | Điểm | Sự phơi nhiễm                            | Theo dõi tác dụng kích ứng |
|----------------------------------|----------------------------------|------|------|--|----------------------------|
| <b>Ampoule 1</b><br>Acetonitrile | Mắt - Chất gây khó chịu vừa phải | Thỏ  | -    | 24 giờ 100 microliters<br>500 milligrams | -                          |
|                                  | Da - Kích ứng nhẹ                | Thỏ  | -    |  | -                          |
| <b>Ampoule 2</b><br>Acetonitrile | Mắt - Chất gây khó chịu vừa phải | Thỏ  | -    | 24 giờ 100 microliters<br>500 milligrams | -                          |
|                                  | Da - Kích ứng nhẹ                | Thỏ  | -    |  | -                          |
| <b>Ampoule 3</b><br>Acetonitrile | Mắt - Chất gây khó chịu vừa phải | Thỏ  | -    | 24 giờ 100 microliters<br>500 milligrams | -                          |
|                                  | Da - Kích ứng nhẹ                | Thỏ  | -    |  | -                          |

#### Nhạy cảm

Không có sẵn.

#### Tính đột biến

**XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH****Kết luận/Tóm tắt** : Không có sẵn.**Tính gây ung thư****Kết luận/Tóm tắt** : Không có sẵn.**Độc tính sinh sản****Kết luận/Tóm tắt** : Không có sẵn.**Độc tính gây quái thai****Kết luận/Tóm tắt** : Không có sẵn.**Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)**

Không có sẵn.

**Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)**

| Tên                              | Loại   | Cách phơi nhiễm | Cơ quan có nhắm tới   |
|----------------------------------|--------|-----------------|---|
| <b>Ampoule 1</b><br>Acetonitrile | Loại 2 | Không xác định  | hệ thống tuần hoàn , hệ thống thần kinh trung ương (CNS), thận và gan |
| <b>Ampoule 2</b><br>Acetonitrile | Loại 2 | Không xác định  | hệ thống tuần hoàn , hệ thống thần kinh trung ương (CNS), thận và gan |
| <b>Ampoule 3</b><br>Acetonitrile | Loại 2 | Không xác định  | hệ thống tuần hoàn , hệ thống thần kinh trung ương (CNS), thận và gan |

**Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa**

Không có sẵn.

**Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra** :

|           |   |
|-----------|---|
| Ampoule 1 | Đường xâm nhập lượng trước được: Đường miệng, Ngoài da, Hít phải. |
| Ampoule 2 | Đường xâm nhập lượng trước được: Đường miệng, Ngoài da, Hít phải. |
| Ampoule 3 | Đường xâm nhập lượng trước được: Đường miệng, Ngoài da, Hít phải. |

**Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn**

|                          |                                       |  |
|--------------------------|---------------------------------------|--|
| <b>Tiếp xúc mắt</b>      | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3 | Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.<br>Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.<br>Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.   |
| <b>Hít phải</b>          | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3 | Có hại nếu hít phải.<br>Có hại nếu hít phải.<br>Có hại nếu hít phải.   |
| <b>Tiếp xúc ngoài da</b> | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3 | Có hại khi tiếp xúc với da. Gây kích ứng da nhẹ.<br>Có hại khi tiếp xúc với da. Gây kích ứng da nhẹ.<br>Có hại khi tiếp xúc với da. Gây kích ứng da nhẹ. |
| <b>Nuốt phải</b>         | : Ampoule 1<br>Ampoule 2<br>Ampoule 3 | Có hại nếu nuốt phải.<br>Có hại nếu nuốt phải.<br>Có hại nếu nuốt phải.  |

**Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính**

**XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH**

|                          |             |   |
|--------------------------|-------------|---|
| <b>Tiếp xúc mắt</b>      | : Ampoule 1 | Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:<br>đau nhức hoặc kích ứng khó chịu<br>chảy nước mắt<br>bị đỏ |
|                          | Ampoule 2   | Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:<br>đau nhức hoặc kích ứng khó chịu<br>chảy nước mắt<br>bị đỏ |
|                          | Ampoule 3   | Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:<br>đau nhức hoặc kích ứng khó chịu<br>chảy nước mắt<br>bị đỏ |
| <b>Hít phải</b>          | : Ampoule 1 | Không có thông tin cụ thể gì.   |
|                          | Ampoule 2   | Không có thông tin cụ thể gì.   |
|                          | Ampoule 3   | Không có thông tin cụ thể gì.   |
| <b>Tiếp xúc ngoài da</b> | : Ampoule 1 | Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:<br>kích ứng khó chịu<br>bị đỏ                                |
|                          | Ampoule 2   | Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:<br>kích ứng khó chịu<br>bị đỏ                                |
|                          | Ampoule 3   | Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:<br>kích ứng khó chịu<br>bị đỏ                                |
| <b>Nuốt phải</b>         | : Ampoule 1 | Không có thông tin cụ thể gì.   |
|                          | Ampoule 2   | Không có thông tin cụ thể gì.   |
|                          | Ampoule 3   | Không có thông tin cụ thể gì.   |

**Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài****Phơi nhiễm ngắn hạn**

**Các tác dụng tức thời có thể gặp** : Không có sẵn.

**Các tác dụng chậm có thể gặp** : Không có sẵn.

**Phơi nhiễm lâu dài**

**Các tác dụng tức thời có thể gặp** : Không có sẵn.

**Các tác dụng chậm có thể gặp** : Không có sẵn.

**Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn**

|                         |             |  |
|-------------------------|-------------|--|
| <b>Tổng quát</b>        | : Ampoule 1 | Có thể làm tổn thương các cơ quan qua phơi nhiễm lâu và nhiều lần. |
|                         | Ampoule 2   | Có thể làm tổn thương các cơ quan qua phơi nhiễm lâu và nhiều lần. |
|                         | Ampoule 3   | Có thể làm tổn thương các cơ quan qua phơi nhiễm lâu và nhiều lần. |
| <b>Tính gây ung thư</b> | : Ampoule 1 | Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.     |
|                         | Ampoule 2   | Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.     |
|                         | Ampoule 3   | Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.     |

**XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH**

|   |             |  |
|---|-------------|--|
| <b>Tính đột biến</b>                      | : Ampoule 1 | Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào. |
|   | Ampoule 2   | Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào. |
|   | Ampoule 3   | Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào. |
| <b>Độc tính gây quái thai</b>             | : Ampoule 1 | Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào. |
|   | Ampoule 2   | Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào. |
|   | Ampoule 3   | Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào. |
| <b>Các ảnh hưởng về phát triển cơ thể</b> | : Ampoule 1 | Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào. |
|   | Ampoule 2   | Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào. |
|   | Ampoule 3   | Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào. |
| <b>Ảnh hưởng khả năng sinh sản</b>        | : Ampoule 1 | Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào. |
|   | Ampoule 2   | Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào. |
|   | Ampoule 3   | Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào. |

**Các số liệu đo lường độ độc****Các giá trị ước tính độ độc cấp tính**

| <b>Lộ trình</b>   | <b>Giá trị ATE (ước tính độ độc cấp tính)</b> |
|---|---|
| <b>Ampoule 1</b><br>Đường miệng<br>Ngoài da<br>Hít vào (các chất hơi) | 555.6 mg/kg<br>1222.2 mg/kg<br>12.22 mg/l     |
| <b>Ampoule 2</b><br>Đường miệng<br>Ngoài da<br>Hít vào (các chất hơi) | 555.6 mg/kg<br>1222.3 mg/kg<br>12.22 mg/l     |
| <b>Ampoule 3</b><br>Đường miệng<br>Ngoài da<br>Hít vào (các chất hơi) | 500 mg/kg<br>1100 mg/kg<br>11 mg/l            |

|                                 |             |               |
|---------------------------------|-------------|---------------|
| <b>Thông tin cần thiết khác</b> | : Ampoule 1 | Không có sẵn. |
|                                 | Ampoule 2   | Không có sẵn. |
|                                 | Ampoule 3   | Không có sẵn. |

**XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI****Độc Tính**



**XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**

| Tên sản phẩm/thành phần          | Kết quả                              | Loài                              | Sự phơi nhiễm |
|----------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------|---------------|
| <b>Ampoule 1</b><br>Acetonitrile | Cấp tính IC50 3685000 µg/l Nước ngọt | Thảo mộc trong nước - Lemna minor | 96 giờ        |
|                                  | Cấp tính LC50 3600000 µg/l Nước ngọt | Daphnia - Daphnia magna           | 48 giờ        |
|                                  | Cấp tính LC50 1000000 µg/l Nước ngọt | Cá - Pimephales promelas          | 96 giờ        |
|                                  | mãn tính NOEC 1000000 µg/l Nước ngọt | Thảo mộc trong nước - Lemna minor | 96 giờ        |
|                                  | mãn tính NOEC 160000 µg/l Nước ngọt  | Daphnia - Daphnia magna           | 21 ngày       |
| <b>Ampoule 2</b><br>Acetonitrile | Cấp tính IC50 3685000 µg/l Nước ngọt | Thảo mộc trong nước - Lemna minor | 96 giờ        |
|                                  | Cấp tính LC50 3600000 µg/l Nước ngọt | Daphnia - Daphnia magna           | 48 giờ        |
|                                  | Cấp tính LC50 1000000 µg/l Nước ngọt | Cá - Pimephales promelas          | 96 giờ        |
|                                  | mãn tính NOEC 1000000 µg/l Nước ngọt | Thảo mộc trong nước - Lemna minor | 96 giờ        |
|                                  | mãn tính NOEC 160000 µg/l Nước ngọt  | Daphnia - Daphnia magna           | 21 ngày       |
| <b>Ampoule 3</b><br>Acetonitrile | Cấp tính IC50 3685000 µg/l Nước ngọt | Thảo mộc trong nước - Lemna minor | 96 giờ        |
|                                  | Cấp tính LC50 3600000 µg/l Nước ngọt | Daphnia - Daphnia magna           | 48 giờ        |
|                                  | Cấp tính LC50 1000000 µg/l Nước ngọt | Cá - Pimephales promelas          | 96 giờ        |
|                                  | mãn tính NOEC 1000000 µg/l Nước ngọt | Thảo mộc trong nước - Lemna minor | 96 giờ        |
|                                  | mãn tính NOEC 160000 µg/l Nước ngọt  | Daphnia - Daphnia magna           | 21 ngày       |

**Độ bền và khả năng phân hủy**

| Tên sản phẩm/thành phần          | Chu kỳ bán phân rã dưới nước | Quang phân | Tính bị vi khuẩn làm thối rữa |
|----------------------------------|------------------------------|------------|-------------------------------|
| <b>Ampoule 1</b><br>Acetonitrile | -                            | -          | Dễ dàng                       |
| <b>Ampoule 2</b><br>Acetonitrile | -                            | -          | Dễ dàng                       |
| <b>Ampoule 3</b><br>Acetonitrile | -                            | -          | Dễ dàng                       |

**Khả năng tồn lưu**

| Tên sản phẩm/thành phần          | LogP <sub>ow</sub> | BCF | Tiềm năng |
|----------------------------------|--------------------|-----|-----------|
| <b>Ampoule 1</b><br>Acetonitrile | -0.34              | 3   | thấp      |
| <b>Ampoule 2</b><br>Acetonitrile | -0.34              | 3   | thấp      |
| <b>Ampoule 3</b><br>Acetonitrile | -0.34              | 3   | thấp      |

**Khả năng phân tán qua đất**

Hệ số phân cách đất/nước (K<sub>oc</sub>) : Không có sẵn.




## XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

**Hậu quả xấu khác** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

## XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

**Các phương pháp thải bỏ** : Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Cần phải cẩn thận khi làm việc với các dụng cụ đựng rỗng chưa được làm sạch hoặc rửa sạch. Bình rỗng hay tàu thủy có thể giữ lại cặn sản phẩm. Hơi của cặn sản phẩm có thể tạo ra một bầu khí quyển rất dễ cháy hoặc nổ trong dụng cụ đựng. Không cắt, hàn hoặc mài các dụng cụ đựng đã qua sử dụng trừ khi chúng đã được làm sạch cẩn thận phần bên trong. Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.

## XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

|   | UN   | IMDG   | IATA   |
|---|--|--|--|
| <b>Số UN</b>  | UN1648   | UN1648   | UN1648   |
| <b>Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyển</b> | ACETONITRILE   | ACETONITRILE   | Acetonitrile   |
| <b>(các) nhóm nguy hại vận chuyển</b>                             | 3<br> | 3<br> | 3<br> |
| <b>Quy cách đóng gói</b>  | II   | II   | II   |
| <b>Mối nguy cho môi trường</b>                                    | Không.   | No.  | No.  |

### Thông tin bổ sung

**Nhận xét:** Excepted Quantity

**IMDG** : **Emergency schedules** F-E, S-D

**IATA** : **Quantity limitation** Passenger and Cargo Aircraft: 5 L. Packaging instructions: 353. Cargo Aircraft Only: 60 L. Packaging instructions: 364. Limited Quantities - Passenger Aircraft: 1 L. Packaging instructions: Y341.

**Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng** : **Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng:** luôn luôn chuyên chở trong những thùng đựng được đậy kín và những thùng này phải được dựng đứng và giữ chặt. Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.

**Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ Lục II của MARPOL và Mã Thùng Trung Chuyển Số Lượng Lớn (IBC)** : Không có sẵn.

## XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Phân loại chất độc (TCVN : 3164-79)

### Quy định quốc tế

Danh mục của Hiệp ước về Vũ khí Hóa học các chất hóa học theo các lịch trình I, II, III

Không liệt kê.

Nghi định thư Montreal (Phụ lục A, B, C, E)

Không liệt kê.

Hiệp ước Stockholm về các chất gây ô nhiễm hữu cơ bền

Không liệt kê.

Công Ước Rotterdam về Thỏa Thuận Có Hiệu Biết Trước (PIC)

Không liệt kê.

Nghi định thư UNECE Aarhus về PÓP và các kim loại nặng

Không liệt kê.

### Danh mục hàng tồn kho

|                   |   |
|-------------------|---|
| Úc                | : Không xác định.   |
| Canada            | : Không xác định.   |
| Trung Quốc        | : Không xác định.   |
| Châu Âu           | : Không xác định.   |
| Nhật Bản          | : <b>Bản kê của Nhật (ENCS) (Các Hóa Chất Hiện Hữu và Mới):</b> Không xác định.<br><b>Bản kê của Nhật (ISHL):</b> Không xác định. |
| Malaysia          | : Không xác định.   |
| Niu Di Lân        | : Không xác định.   |
| Phi Luật Tân      | : Không xác định.   |
| Cộng Hòa Hàn Quốc | : Không xác định.   |
| Đài Loan          | : Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.  |
| Thái Lan          | : Không xác định.   |
| Thổ Nhĩ Kỳ        | : Không xác định.   |
| Hoa Kỳ            | : Không xác định.   |
| Việt Nam          | : Không xác định.   |

## XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

### Lịch sử

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh : 23/05/2018

Ngày phát hành lần trước : 09/03/2017

Phiên bản : 4

### Bảng từ viết tắt

: ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính  
 BCF = Hệ số nồng độ sinh học  
 GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu  
 IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế  
 IBC = Côngtenơ khổ trung  
 IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế  
 LogPow = Lôgarit của hệ số phân chia octanol/nước  
 MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải))  
 UN = Liên hợp quốc

### Quy trình được sử dụng để đưa ra phân loại

**XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC**

| Phân loại  | Cơ sở lý luận  |
|--|--|
| <p><b>Ampoule 1</b><br/>           CHẤT LỎNG DỄ CHÁY - Loại 2<br/>           ĐỘC TÍNH CẤP (đường miệng) - Loại 4<br/>           ĐỘC TÍNH CẤP (ngoài da) - Loại 4<br/>           ĐỘC TÍNH CẤP (hít phải) - Loại 4<br/>           GÂY KHÓ CHỊU CHO DA - Loại 3<br/>           KÍCH ỨNG MẮT - Loại 2A<br/>           ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC LẶP LẠI (hệ thống tuần hoàn, hệ thống thần kinh trung ương (CNS), thận, gan) - Loại 2</p> <p><b>Ampoule 2</b><br/>           CHẤT LỎNG DỄ CHÁY - Loại 2<br/>           ĐỘC TÍNH CẤP (đường miệng) - Loại 4<br/>           ĐỘC TÍNH CẤP (ngoài da) - Loại 4<br/>           ĐỘC TÍNH CẤP (hít phải) - Loại 4<br/>           GÂY KHÓ CHỊU CHO DA - Loại 3<br/>           KÍCH ỨNG MẮT - Loại 2A<br/>           ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC LẶP LẠI (hệ thống tuần hoàn, hệ thống thần kinh trung ương (CNS), thận, gan) - Loại 2</p> <p><b>Ampoule 3</b><br/>           CHẤT LỎNG DỄ CHÁY - Loại 2<br/>           ĐỘC TÍNH CẤP (đường miệng) - Loại 4<br/>           ĐỘC TÍNH CẤP (ngoài da) - Loại 4<br/>           ĐỘC TÍNH CẤP (hít phải) - Loại 4<br/>           GÂY KHÓ CHỊU CHO DA - Loại 3<br/>           KÍCH ỨNG MẮT - Loại 2A<br/>           ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC LẶP LẠI (hệ thống tuần hoàn, hệ thống thần kinh trung ương (CNS), thận, gan) - Loại 2</p> | <p>Căn cứ vào dữ liệu thử nghiệm<br/>           Phương pháp tính toán<br/>           Phương pháp tính toán<br/>           Phương pháp tính toán<br/>           Phương pháp tính toán<br/>           Phương pháp tính toán<br/>           Phương pháp tính toán</p> <p>Căn cứ vào dữ liệu thử nghiệm<br/>           Phương pháp tính toán<br/>           Phương pháp tính toán<br/>           Phương pháp tính toán<br/>           Phương pháp tính toán<br/>           Phương pháp tính toán</p> <p>Căn cứ vào dữ liệu thử nghiệm<br/>           Phương pháp tính toán<br/>           Phương pháp tính toán<br/>           Phương pháp tính toán<br/>           Phương pháp tính toán<br/>           Phương pháp tính toán</p> |

**Tham khảo** : Không có sẵn.

☑ Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

**Người đọc lưu ý**

Tuyên bố giải trừ Những thông tin trong tài liệu này dựa trên những kiến thức của Agilent tại thời điểm soạn thảo. Không đảm bảo tính chính xác, hoàn hảo hay phù hợp cho một mục đích cá biệt nào đó được thể hiện hay hàm ý.